

Phụ lục 10

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

BẢNG GHI ĐIỂM QUÁ TRÌNH Học kỳ: II - Năm học: 2022 - 2023

Môn học/Nhóm: GDQP – AN, Nhóm 13
CBGD: Nguyễn Thanh Hà

Số tín chỉ: 05

STT	Mã HS, SV	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp	BP.1	BP.2	BP.3	BP.4	BP.5	Điểm quá trình	Ghi chú
1	2122110042	Mai Hoàng	Bảo	07/03/2004	CCQ2211B	5.6	6.4	6.0	8.0	7.0	6.9	
2	2122110073	Nguyễn Trọng	Bảo	14/03/2004	CCQ2211B	6.6	6.8	6.0	9.0	7.0	7.3	
3	2122110065	Trần Thanh	Bảo	16/02/2004	CCQ2211B	6.6	6.6	5.5	5.0	8.0	6.4	
4	2122110055	Nguyễn Thị Ngọc	Châu	07/06/2004	CCQ2211B	8.0	7.4	6.0	4.7	7.0	6.4	
5	2122110050	Nguyễn Hoàng	Duy	17/01/2004	CCQ2211B	8.2	5.8	5.5	9.3	9.5	8.2	
6	2122110045	Phạm Quốc	Duy	11/02/2004	CCQ2211B	7.2	5.2	6.0	8.3	8.0	7.3	
7	2122110025	Bùi Hải	Dương	05/01/2004	CCQ2211A	8.2	5.4	5.5	9.3	8.5	7.8	
8	2122110057	Nguyễn Hồ Khánh	Dương	21/10/2004	CCQ2211B	8.2	6.2	6.0	9.7	7.0	7.7	
9	2122110018	Nguyễn Thị Thùy	Dương	01/01/2004	CCQ2211A	7.8	8.0	6.0	9.7	8.0	8.2	
10	2122110054	Nguyễn Minh	Đạt	10/05/2004	CCQ2211B	8.0	6.4	5.5	7.3	7.0	6.9	
11	2122110439	Sú Vỹ	Đạt	28/06/2003	CCQ2211B	6.8	6.4	5.5	9.0	8.0	7.5	
12	2122110010	Trương Thành	Đạt	13/06/2004	CCQ2211A	9.0	8.6	5.5	7.7	7.0	7.5	
13	2122110023	Nguyễn Hải	Đăng	13/10/2004	CCQ2211A	7.4	4.0	5.5	9.0	9.0	7.6	
14	2122110022	Lê Văn	Hải	22/11/2004	CCQ2211A	7.8	5.6	6.5	8.3	2.0	5.8	
15	2118200110	Vũ Lê Như	Hiền	06/02/2000	CCQ1820B	8.8	7.2	6.0	8.7	8.0	7.9	
16	2122110007	Phạm Ngọc Huy	Hoàng	08/10/2000	CCQ2211A	8.4	8.8	5.5	8.3	8.5	8.0	
17	2122110038	Phạm Quốc	Hùng	26/10/2004	CCQ2211A	7.4	6.8	5.5	8.3	7.0	7.2	
18	2122110062	Nguyễn Phan	Huy	16/09/2004	CCQ2211B	7.0	6.6	6.0	7.7	8.0	7.3	
19	2122110058	Nguyễn Thị Bích	Huyền	21/02/2004	CCQ2211B	8.2	7.8	6.0	5.7	8.0	7.1	
20	2120190041	Nguyễn Thị Kim	Huyền	25/01/2001	CCQ2019B	6.8	7.0	6.5	8.7	8.0	7.7	
21	2122110078	Võ Nguyên	Khang	10/11/2004	CCQ2211B	8.0	6.2	6.0	8.3	8.5	7.7	

22	2122110004	Huỳnh Duy	Khánh	23/12/2003	CCQ2211A	7.6	6.8	5.5	9.7	8.0	7.9	
23	2122110079	Võ Thị	Luyện	03/05/2004	CCQ2211B	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
24	2122170696	Nìm An	Lục	16/11/2004	CCQ2211A	7.0	6.8	5.5	6.7	8.0	7.0	
25	2122110014	Trần Ngọc	Mạnh	05/03/1997	CCQ2211A	9.0	7.4	6.5	9.7	8.0	8.3	
26	2122110012	Nguyễn Văn	Mên	11/10/2004	CCQ2211A	8.2	7.0	5.5	9.0	7.0	7.5	
27	2122110067	Đặng Thị Tố	My	17/10/2002	CCQ2211B	7.8	6.8	7.0	9.7	9.0	8.4	
28	2122110061	Trần Thị Thúy	Nga	09/01/2004	CCQ2211B	5.0	5.6	5.5	7.0	8.0	6.6	
29	2122110016	Lê Thị Thúy	Ngân	30/03/2004	CCQ2211A	8.4	8.2	6.0	9.0	8.0	8.1	
30	2122110063	Lê Trần Thái	Nguru	30/07/2004	CCQ2211B	6.6	6.6	5.5	9.3	9.0	7.9	
31	2120190056	Lê Thị Yên	Nhi	13/06/2002	CCQ2019B	7.2	7.0	5.5	8.7	8.0	7.6	
32	2120190054	Nguyễn Thị Thảo	Nhi	03/07/2001	CCQ2019B	6.4	5.6	5.5	8.7	8.0	7.3	
33	2122110028	Trần Thị Hồng	Nhung	18/10/2004	CCQ2211A	8.4	6.6	6.0	8.3	7.0	7.4	
34	2122110080	Hoàng	Phai	18/04/2004	CCQ2211B	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
35	2122110069	Đinh Lê	Phát	26/04/2004	CCQ2211B	7.4	6.2	6.0	9.0	7.0	7.4	
36	2122110044	Phạm Minh	Phúc	26/09/2004	CCQ2211B	6.6	6.8	5.5	8.7	7.0	7.2	
37	2122110034	Nguyễn Minh	Phụng	19/06/2004	CCQ2211A	6.6	5.6	5.5	8.0	7.0	6.8	
38	2122110076	Trịnh Ngọc	Phước	08/12/2002	CCQ2211B	7.4	6.4	5.5	9.7	8.0	7.8	
39	2122110031	Đào Văn	Phuong	01/05/1996	CCQ2211A	7.6	6.8	6.5	9.0	9.5	8.3	
40	2122110006	Nguyễn Anh	Quân	06/12/2003	CCQ2211A	6.8	6.4	5.5	9.0	7.0	7.2	
41	2122110020	Nguyễn Lê Bá	Quốc	12/02/2004	CCQ2211A	9.0	8.8	5.5	9.7	7.5	8.2	
42	2122110059	Trịnh Hồng	Quyên	20/06/2003	CCQ2211B	8.2	8.0	6.0	8.3	7.0	7.5	
43	2122110072	Nguyễn Mạnh	Quỳnh	22/12/2004	CCQ2211B	7.4	6.2	6.0	9.7	7.0	7.6	
44	2122110075	Đặng Phước	Tài	17/04/2004	CCQ2211B	6.0	7.2	6.5	9.0	7.0	7.4	
45	2122110070	Nguyễn Quốc Anh	Tài	30/08/2004	CCQ2211B	6.2	6.2	5.5	9.0	8.0	7.4	
46	2122110011	Phạm Quốc	Tài	31/10/2004	CCQ2211A	7.6	5.4	5.5	9.0	8.0	7.5	
47	2122110440	Nguyễn Thành	Tâm	13/09/2003	CCQ2211B	7.2	5.4	8.0	8.7	7.0	7.4	
48	2122110005	Trần Văn	Thành	31/01/2004	CCQ2211A	6.6	5.6	5.5	7.7	8.0	7.0	
49	2122110019	Phạm Đức	Thắng	17/11/2004	CCQ2211A	6.0	6.4	5.5	9.3	8.0	7.5	
50	2122110024	Nguyễn Anh	Thi	16/04/2004	CCQ2211A	6.8	7.2	5.5	8.0	6.0	6.8	
51	2122110040	Đỗ Phú	Thiện	23/02/2003	CCQ2211A	6.8	6.6	5.5	4.7	2.0	4.6	
52	2122110066	Nguyễn Duy	Thời	02/01/2004	CCQ2211B	8.0	6.4	6.0	8.0	8.0	7.5	
53	2122110392	Bùi Thị Cẩm	Thom	18/02/2004	CCQ2211A	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
54	2122110052	Lê Đan	Thuần	27/09/2004	CCQ2211B	7.8	7.2	6.0	9.3	7.0	7.7	
55	2122110048	Lê Hoàng Như	Thuật	24/03/2004	CCQ2211B	5.6	4.0	5.5	7.0	8.0	6.4	
56	2122110436	Hoàng Thanh	Thường	25/08/2004	CCQ2211A	6.2	5.6	5.5	9.3	8.0	7.4	
57	2122110074	Đặng Hưng	Tiền	11/04/2004	CCQ2211B	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	

58	2122110033	Nguyễn Trung	Tín	07/03/2004	CCQ2211A	7.0	6.0	5.5	5.3	7.0	6.2	
59	2122110036	Vương Thế	Tình	28/11/2004	CCQ2211A	7.2	6.6	5.5	7.0	2.0	5.3	
60	2120190064	Hồ Nguyễn Thanh	Trà	18/11/2002	CCQ2019B	7.0	6.2	5.5	9.0	8.0	7.5	
61	2122110017	Hồ Ngọc Minh	Trí	25/11/2004	CCQ2211A	7.0	5.6	5.5	4.0	8.5	6.2	
62	2122110492	Nguyễn Minh	Trọng	10/11/2004	CCQ2211B	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
63	2122110077	Lê Hoàng	Trung	17/11/2002	CCQ2211B	7.4	6.4	5.5	7.7	8.0	7.2	
64	2122110046	Võ Thành	Trung	14/04/2004	CCQ2211B	5.0	6.0	6.0	9.3	8.0	7.4	
65	2122110051	Đặng Thanh	Tú	22/03/2004	CCQ2211B	6.8	6.8	5.5	5.0	7.0	6.2	
66	2122110029	Hoàng Phi	Tú	17/07/2004	CCQ2211A	6.4	4.6	5.5	9.0	8.0	7.2	
67	2122110009	Phạm Ngọc Lâm	Tùng	16/09/2004	CCQ2211A	7.0	6.6	5.5	7.0	8.0	7.0	
68	2122110008	Nguyễn Duy	Tường	04/04/2004	CCQ2211A	7.6	6.0	5.5	9.3	7.0	7.4	
69	2122110049	Nguyễn Tôn Quyền	Uy	06/09/2004	CCQ2211B	6.6	5.6	5.5	7.3	6.0	6.3	
70	2122110437	Lê Anh	Văn	20/07/2004	CCQ2211A	7.8	8.0	5.5	9.7	8.0	8.1	
71	2122110047	Ngô Quốc	Việt	28/11/2004	CCQ2211B	6.0	8.0	8.0	9.0	9.5	8.4	
72	2122110060	Lê Kiều	Vy	30/08/2004	CCQ2211B	6.6	6.0	5.5	9.3	8.0	7.5	

Tp. HCM, ngày 25 tháng 3 năm 2023
Giảng viên



Nguyễn Thanh Hà

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

BẢNG GHI ĐIỂM MÔN HỌC/HỌC PHẦN
Học kỳ: II - Năm học: 2022 - 2023

Môn học/Nhóm: GDQP – AN, Nhóm 13
CBGD: Nguyễn Thanh Hà

Số tín chỉ: 05

STT	Mã HS, SV	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm quá trình	Điểm thi	Điểm môn học/Học phần
1	2122110042	Mai Hoàng	Bảo	07/03/2004	CCQ2211B	6.9	5.6	6.1
2	2122110073	Nguyễn Trọng	Bảo	14/03/2004	CCQ2211B	7.3	6.6	6.9
3	2122110065	Trần Thanh	Bảo	16/02/2004	CCQ2211B	6.4	7.0	6.8
4	2122110055	Nguyễn Thị Ngọc	Châu	07/06/2004	CCQ2211B	6.4	8.2	7.5
5	2122110050	Nguyễn Hoàng	Duy	17/01/2004	CCQ2211B	8.2	6.8	7.3
6	2122110045	Phạm Quốc	Duy	11/02/2004	CCQ2211B	7.3	7.0	7.1
7	2122110025	Bùi Hải	Dương	05/01/2004	CCQ2211A	7.8	8.6	8.3
8	2122110057	Nguyễn Hồ Khánh	Dương	21/10/2004	CCQ2211B	7.7	7.2	7.4
9	2122110018	Nguyễn Thị Thùy	Dương	01/01/2004	CCQ2211A	8.2	8.6	8.4
10	2122110054	Nguyễn Minh	Đạt	10/05/2004	CCQ2211B	6.9	7.6	7.3
11	2122110439	Sú Vy	Đạt	28/06/2003	CCQ2211B	7.5	6.2	6.7
12	2122110010	Trương Thành	Đạt	13/06/2004	CCQ2211A	7.5	9.2	8.5
13	2122110023	Nguyễn Hải	Đăng	13/10/2004	CCQ2211A	7.6	8.2	7.9
14	2122110022	Lê Văn	Hải	22/11/2004	CCQ2211A	5.8	6.2	6.0
15	2118200110	Vũ Lê Như	Hiền	06/02/2000	CCQ1820B	7.9	8.6	8.3
16	2122110007	Phạm Ngọc Huy	Hoàng	08/10/2000	CCQ2211A	8.0	9.2	8.7
17	2122110038	Phạm Quốc	Hùng	26/10/2004	CCQ2211A	7.2	6.6	6.8
18	2122110062	Nguyễn Phan	Huy	16/09/2004	CCQ2211B	7.3	7.2	7.2
19	2122110058	Nguyễn Thị Bích	Huyền	21/02/2004	CCQ2211B	7.1	6.8	6.9
20	2120190041	Nguyễn Thị Kim	Huyền	25/01/2001	CCQ2019B	7.7	6.0	6.7
21	2122110078	Võ Nguyên	Khang	10/11/2004	CCQ2211B	7.7	7.2	7.4

22	2122110004	Huỳnh Duy	Khánh	23/12/2003	CCQ2211A	7.9	7.2	7.5
23	2122110079	Võ Thị	Luyện	03/05/2004	CCQ2211B	0.0	0.0	0.0
24	2122170696	Nìm An	Lực	16/11/2004	CCQ2211A	7.0	8.6	7.9
25	2122110014	Trần Ngọc	Mạnh	05/03/1997	CCQ2211A	8.3	9.2	8.9
26	2122110012	Nguyễn Văn	Mến	11/10/2004	CCQ2211A	7.5	7.0	7.2
27	2122110067	Đặng Thị Tố	My	17/10/2002	CCQ2211B	8.4	8.4	8.4
28	2122110061	Trần Thị Thúy	Nga	09/01/2004	CCQ2211B	6.6	6.4	6.5
29	2122110016	Lê Thị Thúy	Ngân	30/03/2004	CCQ2211A	8.1	8.4	8.3
30	2122110063	Lê Trần Thái	Ngư	30/07/2004	CCQ2211B	7.9	6.0	6.8
31	2120190056	Lê Thị Yên	Nhi	13/06/2002	CCQ2019B	7.6	6.8	7.1
32	2120190054	Nguyễn Thị Thảo	Nhi	03/07/2001	CCQ2019B	7.3	6.2	6.6
33	2122110028	Trần Thị Hồng	Nhung	18/10/2004	CCQ2211A	7.4	8.8	8.2
34	2122110080	Hoàng	Phai	18/04/2004	CCQ2211B	0.0	0.0	0.0
35	2122110069	Đinh Lê	Phát	26/04/2004	CCQ2211B	7.4	7.0	7.1
36	2122110044	Phạm Minh	Phúc	26/09/2004	CCQ2211B	7.2	8.6	8.0
37	2122110034	Nguyễn Minh	Phụng	19/06/2004	CCQ2211A	6.8	5.8	6.2
38	2122110076	Trịnh Ngọc	Phước	08/12/2002	CCQ2211B	7.8	6.6	7.1
39	2122110031	Đào Văn	Phương	01/05/1996	CCQ2211A	8.3	7.4	7.7
40	2122110006	Nguyễn Anh	Quân	06/12/2003	CCQ2211A	7.2	8.0	7.7
41	2122110020	Nguyễn Lê Bá	Quốc	12/02/2004	CCQ2211A	8.2	8.0	8.1
42	2122110059	Trịnh Hồng	Quyên	20/06/2003	CCQ2211B	7.5	7.0	7.2
43	2122110072	Nguyễn Mạnh	Quỳnh	22/12/2004	CCQ2211B	7.6	6.8	7.1
44	2122110075	Đặng Phước	Tài	17/04/2004	CCQ2211B	7.4	8.2	7.9
45	2122110070	Nguyễn Quốc Anh	Tài	30/08/2004	CCQ2211B	7.4	7.6	7.5
46	2122110011	Phạm Quốc	Tài	31/10/2004	CCQ2211A	7.5	6.4	6.8
47	2122110440	Nguyễn Thành	Tâm	13/09/2003	CCQ2211B	7.4	6.0	6.6
48	2122110005	Trần Văn	Thành	31/01/2004	CCQ2211A	7.0	7.2	7.1
49	2122110019	Phạm Đức	Thắng	17/11/2004	CCQ2211A	7.5	5.6	6.4
50	2122110024	Nguyễn Anh	Thị	16/04/2004	CCQ2211A	6.8	6.4	6.6
51	2122110040	Đỗ Phú	Thiện	23/02/2003	CCQ2211A	4.6	7.4	6.3
52	2122110066	Nguyễn Duy	Thời	02/01/2004	CCQ2211B	7.5	6.2	6.7
53	2122110392	Bùi Thị Cẩm	Thơm	18/02/2004	CCQ2211A	0.0	0.0	0.0
54	2122110052	Lê Đan	Thuần	27/09/2004	CCQ2211B	7.7	7.2	7.4
55	2122110048	Lê Hoàng Như	Thuật	24/03/2004	CCQ2211B	6.4	5.6	5.9
56	2122110436	Hoàng Thanh	Thường	25/08/2004	CCQ2211A	7.4	6.8	7.0
57	2122110074	Đặng Hưng	Tiến	11/04/2004	CCQ2211B	0.0	0.0	0.0

58	2122110033	Nguyễn Trung	Tín	07/03/2004	CCQ2211A	6.2	8.0	7.3
59	2122110036	Vương Thế	Tình	28/11/2004	CCQ2211A	5.3	6.6	6.1
60	2120190064	Hồ Nguyễn Thanh	Trà	18/11/2002	CCQ2019B	7.5	8.0	7.8
61	2122110017	Hồ Ngọc Minh	Trí	25/11/2004	CCQ2211A	6.2	7.0	6.7
62	2122110492	Nguyễn Minh	Trọng	10/11/2004	CCQ2211B	0.0	0.0	0.0
63	2122110077	Lê Hoàng	Trung	17/11/2002	CCQ2211B	7.2	6.2	6.6
64	2122110046	Võ Thành	Trung	14/04/2004	CCQ2211B	7.4	6.2	6.7
65	2122110051	Đặng Thanh	Tú	22/03/2004	CCQ2211B	6.2	6.2	6.2
66	2122110029	Hoàng Phi	Tú	17/07/2004	CCQ2211A	7.2	5.8	6.4
67	2122110009	Phạm Ngọc Lâm	Tùng	16/09/2004	CCQ2211A	7.0	7.6	7.4
68	2122110008	Nguyễn Duy	Tường	04/04/2004	CCQ2211A	7.4	7.2	7.3
69	2122110049	Nguyễn Tôn Quyền	Uy	06/09/2004	CCQ2211B	6.3	7.2	6.9
70	2122110437	Lê Anh	Văn	20/07/2004	CCQ2211A	8.1	9.0	8.6
71	2122110047	Ngô Quốc	Việt	28/11/2004	CCQ2211B	8.4	6.8	7.5
72	2122110060	Lê Kiều	Vy	30/08/2004	CCQ2211B	7.5	7.8	7.7

Tp. HCM, ngày 25 tháng 3 năm 2023
Giảng viên



Nguyễn Thanh Hà